

Số: 02/CT-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2015

CHỈ THỊ

**Về việc tăng cường công tác quản lý
và nâng cao hiệu quả sử dụng nợ công**

Thời gian qua, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, Nghị quyết của Quốc hội, các quy định của Luật Quản lý nợ công, Chính phủ thực hiện thống nhất quản lý nhà nước về nợ công trên cơ sở phân công nhiệm vụ đối với các Bộ, ngành và địa phương.

Nợ công là nguồn vốn cần thiết và rất quan trọng để bổ sung cho đầu tư phát triển, xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội. Rất nhiều công trình kết cấu hạ tầng về giao thông, thủy lợi, y tế, giáo dục, điện, cấp thoát nước, vệ sinh môi trường,... đã được hoàn thành, phát huy hiệu quả và nhiều chương trình, dự án đang được triển khai, góp phần thu hút vốn đầu tư, thúc đẩy phát triển sản xuất, tạo thêm việc làm, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, xóa đói giảm nghèo, phát triển giáo dục, tăng cường cơ sở vật chất kỹ thuật cho công tác y tế chăm sóc sức khỏe nhân dân, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu, nâng cao trình độ khoa học, công nghệ, kinh nghiệm quản lý và đảm bảo an sinh xã hội, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Công tác quản lý nợ có chuyển biến, dần tiếp cận gần hơn với thông lệ tốt trên thế giới. Cơ cấu nợ Chính phủ đã có sự chuyển biến tích cực theo hướng tăng dần tỷ trọng vay nợ trong nước, bảo đảm an toàn tài chính quốc gia. Chủ động trả nợ đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ trả nợ theo cam kết. Tăng cường công khai, minh bạch thông tin, số liệu về nợ công.

Tuy nhiên, nợ công đang tăng nhanh, dự kiến đến cuối năm 2015 sẽ sát giới hạn Quốc hội phê duyệt. Cơ cấu nợ chưa thực sự bền vững, việc sử dụng các khoản vay ngắn hạn cho đầu tư dài hạn làm phát sinh rủi ro tái cấp vốn và tạo ra áp lực trả nợ lớn trong ngắn hạn. Chi phí huy động vốn vẫn còn cao. Một số dự án đầu tư sử dụng vốn vay kém hiệu quả, không trả được nợ, phải tái cơ cấu tài chính hoặc chuyển sang cơ chế nhà nước đầu tư vốn, làm tăng nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ. Sử dụng vốn vay còn dàn trải, nhiều dự án chậm tiến độ, có dự án hoàn thành nhưng không đạt được mục tiêu đề ra. Việc điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư so với phê duyệt ban đầu, bổ sung hợp đồng diễn ra khá phổ biến dẫn đến phải tăng vay nợ, gây áp lực gia tăng nợ công.

Nguyên nhân chủ yếu của tồn tại, hạn chế trên là do: Áp lực tăng vay nợ cho đầu tư phát triển rất lớn thúc đẩy gia tăng nợ công. Thị trường vốn trong nước chưa phát triển nên phải huy động vốn ngắn hạn. Việc huy động, phân bổ sử dụng vốn vay chủ yếu mới căn cứ vào đề xuất của các Bộ, ngành và địa phương, chưa đặt trong mối quan hệ chặt chẽ và cân đối với nguồn vốn đầu tư khác, chưa bám sát vào các hạn mức nợ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt và xác định mức vay phù hợp với khả năng trả nợ, chưa gắn trách nhiệm với người quyết định vay và người sử dụng có hiệu quả vốn vay. Năng lực của một số chủ dự án còn hạn chế, chưa thực hiện tốt các khâu chuẩn bị đầu tư, thẩm định, phê duyệt, lựa chọn nhà thầu, ký kết các hợp đồng xây lắp, mua sắm trang thiết bị và dịch vụ tư vấn, công tác đền bù, di dân và giải phóng mặt bằng, làm giảm hiệu quả đầu tư. Công tác tổ chức và quản lý nợ công còn có sự phân tán, thiếu sự gắn kết chặt chẽ giữa khâu huy động vốn (đề xuất danh mục, lựa chọn dự án ưu tiên sử dụng vốn vay, xác định cơ chế sử dụng vốn vay, công tác vận động, đàm phán, ký kết điều ước quốc tế) với khâu tổ chức thực hiện và trả nợ vay, làm bị động trong việc cân đối nguồn vay trả nợ, thanh toán, đối chiếu, quyết toán, kiểm toán số liệu về nợ công cũng như khuyến khích việc sử dụng vốn vay thực sự hiệu quả, tiết kiệm. Việc kiểm tra, giám sát, thanh tra, kiểm toán, quyết toán và báo cáo thực hiện đối với vấn đề nợ công chưa được chú trọng đúng mức. Công tác thông tin, tuyên truyền chưa tạo được sự đồng thuận ủng hộ của nhân dân.

Trong thời gian tới, để xây dựng nền tảng vững chắc sớm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, cùng với việc tăng cường huy động các nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và các nguồn lực ngoài nhà nước, Nhà nước vẫn phải sử dụng vốn vay cả trong và ngoài nước để đầu tư phát triển, xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội nhằm thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội đã đề ra. Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Tập đoàn kinh tế nhà nước, Tổng công ty nhà nước và các cơ quan tổ chức có liên quan:

I. TẬP TRUNG THỰC HIỆN TỐT CÁC GIẢI PHÁP TĂNG CƯỜNG QUẢN LÝ, NÂNG CAO HIỆU QUẢ SỬ DỤNG NỢ CÔNG, BẢO ĐẢM AN TOÀN TÀI CHÍNH QUỐC GIA VÀ ỔN ĐỊNH KINH TẾ VĨ MÔ

1. Quản lý chặt chẽ nợ công, nhất là các khoản vay mới. Tính đúng tính đủ nợ công theo quy định, đảm bảo trong giới hạn cho phép. Nợ công chỉ sử dụng cho đầu tư phát triển, xây dựng các công trình kinh tế xã hội quan trọng, thiết yếu theo quy hoạch. Rà soát, thẩm định, đánh giá tác động lên nợ công của các chương trình, dự án sử dụng vốn vay của Chính phủ, vốn vay được Chính phủ bảo lãnh và vốn vay của chính quyền địa phương ngay từ khâu phê duyệt chủ trương đầu tư bằng nguồn vốn vay.

2. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, bảo đảm hiệu quả đầu tư, chất lượng công trình và theo đúng quy định của pháp luật. Chủ động ngăn ngừa và xử lý nghiêm các hành vi tiêu cực, tham nhũng, lãng phí.

3. Khẩn trương cơ cấu lại nợ công theo hướng tăng tỷ trọng vốn vay dài hạn (các khoản vay mới cho đầu tư phát triển, kể cả vay cho mục tiêu cơ cấu lại khoản nợ, danh mục nợ chủ yếu phải có kỳ hạn từ 05 năm trở lên) để giảm áp lực trả nợ trong ngắn hạn. Đẩy mạnh triển khai các nghiệp vụ quản lý và xử lý rủi ro đối với danh mục nợ công (bao gồm các loại rủi ro về tỷ giá, lãi suất, thanh khoản, tái cấp vốn và tín dụng). Tăng tính thanh khoản và thúc đẩy phát triển thị trường trái phiếu Chính phủ.

4. Quản lý chặt chẽ các khoản vay có bảo lãnh của Chính phủ theo hướng siết chặt điều kiện cấp bảo lãnh, không mở rộng diện, chọn lọc có mục tiêu ưu tiên, tiến tới thu hẹp bảo lãnh Chính phủ và kiểm soát việc bảo đảm trả nợ đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh; đối với cho vay lại theo hướng tăng dần tỷ lệ cho vay lại, giảm dần tỷ lệ cấp phát và thu hồi nợ đối với các khoản Chính phủ vay về cho vay lại.

5. Chủ động bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước trong giới hạn quy định (không quá 25% tổng thu ngân sách nhà nước) và sử dụng Quỹ Tích lũy trả nợ để đảm bảo trả nợ Chính phủ đúng hạn.

6. Tăng cường quản lý nợ nước ngoài của quốc gia, nhất là việc vay ngắn hạn của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng để đảm bảo các tiêu chí nợ nước ngoài của quốc gia trong giới hạn cho phép (nợ nước ngoài của quốc gia không quá 50% GDP và nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia hàng năm so với tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ dưới 25%).

7. Rà soát thể chế, xây dựng chính sách, văn bản pháp luật có liên quan đến quản lý nợ công, từ khâu quyết định chủ trương vay, tổ chức huy động vốn vay, sử dụng vốn, thu hồi vốn vay, trả nợ và giám sát tình hình thực hiện, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội bền vững.

II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Để triển khai thực hiện đồng bộ các giải pháp nêu trên, trước mắt từ nay đến năm 2017, Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ cho các Bộ, ngành thực hiện một số công việc cụ thể như sau:

1. Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

a) Tổng kết, đánh giá thực hiện Luật Quản lý nợ công, báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào quý III năm 2015; sớm ban hành Thông tư về quản lý tài sản bảo đảm đối với các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh và cho

vay lại nguồn vốn vay của Chính phủ trong năm 2015; nghiên cứu, xây dựng cơ chế quản lý cho vay lại đối với chính quyền địa phương, cơ chế đẩy mạnh cho vay lại thông qua cơ quan cho vay lại chịu rủi ro tín dụng từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ, trình Thủ tướng Chính phủ vào năm 2016.

Nghiên cứu, sửa đổi Nghị định số 01/2011/NĐ-CP ngày 05 tháng 01 năm 2011 về phát hành trái phiếu chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh và trái phiếu chính quyền địa phương; Nghị định số 15/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2011 về cấp và quản lý bảo lãnh Chính phủ theo hướng loại bỏ chính sách bảo lãnh Chính phủ đối với các tổ chức tài chính, tín dụng (riêng đối với các ngân hàng chính sách của nhà nước cần nghiên cứu để từng bước theo hướng thị trường vào thời điểm phù hợp), để tập trung vào các dự án trọng điểm được Quốc hội hoặc Thủ tướng Chính phủ quyết định chủ trương đầu tư.

b) Rà soát Quyết định số 958/QĐ-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Chiến lược nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia giai đoạn 2011 - 2020 và tầm nhìn đến năm 2030, trên cơ sở đó xác định mục tiêu, định hướng huy động, sử dụng vốn vay và quản lý nợ công 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, trình Chính phủ vào năm 2016. Nghiên cứu, xây dựng đề án về chương trình quản lý nợ trung hạn 2016 - 2018, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành vào quý IV năm 2015.

c) Khẩn trương nghiên cứu, xây dựng đề án chương trình trung hạn về trái phiếu Chính phủ ra thị trường vốn quốc tế nhằm tăng cường huy động vốn vay dài hạn để tái cơ cấu các khoản nợ ngắn hạn, giảm chi phí, chủ động và đa dạng hóa hình thức vay cho đầu tư phát triển, báo cáo Thủ tướng Chính phủ trong quý II năm 2015; đề án xây dựng, hoàn thiện và phát triển hệ thống thông tin để phục vụ theo dõi, giám sát và đánh giá bền vững về nợ công, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong quý IV năm 2015.

d) Thẩm định chặt chẽ, đánh giá tác động của các khoản vay mới (chương trình, dự án sử dụng vốn vay của Chính phủ, vốn vay được Chính phủ bảo lãnh và vốn vay của chính quyền địa phương) lên nợ công, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định và đảm bảo khả năng trả nợ vốn vay, nhất là khả năng trả nợ trực tiếp của Chính phủ. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện đăng ký các khoản vay của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp, đảm bảo trong giới hạn quy định.

đ) Giám sát chặt chẽ việc thực hiện các nghĩa vụ của người bảo lãnh theo cam kết. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan cho vay lại để thu hồi đầy đủ các khoản nghĩa vụ gốc, lãi và chi phí về Quỹ tích lũy trả nợ. Đảm bảo bền vững và khả năng cân đối của Quỹ tích lũy trả nợ.

e) Tăng cường công tác kiểm tra của cơ quan Hải quan, cơ quan Thuế đối với việc sử dụng máy móc, thiết bị nhập khẩu theo dự án vay ODA, vay ưu đãi từ nhà tài trợ và vay nước ngoài được Chính phủ bảo lãnh.

g) Thực hiện cân đối ngân sách nhà nước tích cực, thắt chặt kỷ cương, kỷ luật ngân sách nhà nước, kiểm soát chặt chẽ bội chi ngân sách nhà nước (đến năm 2020 giảm bội chi ngân sách nhà nước xuống 4% GDP). Chủ động, ưu tiên bố trí trong cân đối ngân sách nhà nước và phân vượt thu theo dự toán hàng năm để trả nợ, giảm nợ công.

h) Tiếp tục tăng cường minh bạch, công khai thông tin về nợ công; nghiên cứu, sửa đổi Thông tư số 53/2011/TT-BTC ngày 27 tháng 4 năm 2011 hướng dẫn mẫu biểu báo cáo và công khai thông tin về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia theo hướng mở rộng phạm vi, rút ngắn thời gian thu thập số liệu, báo cáo và công bố thông tin nợ công.

2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan:

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung Nghị định số 38/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2013 về quản lý và sử dụng hỗ trợ phát triển chính thức (ODA), vay ưu đãi từ các nhà tài trợ (trình Chính phủ trong quý II năm 2015) theo hướng gắn khâu huy động, phân bổ, quyết định đầu tư với khả năng bố trí nguồn lực thực hiện (mặt bằng, nguồn nhân lực, vốn đối ứng), khả năng trả nợ; gắn phân cấp với tự chịu trách nhiệm trong quyết định sử dụng vốn và trả nợ vay.

b) Xây dựng, sớm công bố công khai hệ thống các chỉ tiêu dự báo về kinh tế - xã hội giai đoạn 2016 - 2020 để làm căn cứ tính toán, xác định các chỉ tiêu an toàn về nợ công và nợ nước ngoài của quốc gia.

c) Thực hiện rà soát, tổng hợp tình hình dự án ODA, vay ưu đãi nước ngoài, vốn trái phiếu Chính phủ có điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư. Việc sử dụng vốn vay cho chi sự nghiệp trong các dự án đầu tư sử dụng vốn vay ODA, vay ưu đãi trên phạm vi cả nước, báo cáo Thủ tướng Chính phủ vào quý II năm 2015.

d) Tổng hợp, xác định, đề xuất cụ thể danh mục các chương trình, dự án dự kiến đầu tư bằng nguồn vốn vay công (trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vay ưu đãi từ các nhà tài trợ, vay của chính quyền địa phương và các khoản vốn vay khác có tính chất ngân sách nhà nước để đầu tư) trong kế hoạch đầu tư công trung hạn 5 năm, giai đoạn 2016 - 2020, gửi Bộ Tài chính trước ngày 30 tháng 6 năm 2015 để đánh giá tác động lên nợ công, nợ Chính phủ và nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ, đảm bảo trong giới hạn quy định. Bộ Tài chính báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả đánh giá tác động của các khoản vay mới lên nợ công, chậm nhất vào quý IV năm 2015.

đ) Đôn đốc các Bộ, ngành, địa phương, chủ đầu tư đẩy nhanh tiến độ thi công công trình, sớm hoàn thành đưa vào sử dụng, rút ngắn thời gian hoàn vốn để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và giảm thiểu chi phí vay. Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn trái phiếu Chính phủ, vốn ODA, vay ưu đãi của các nhà tài trợ, định kỳ hàng năm báo cáo Thủ tướng Chính phủ kết quả thực hiện.

3. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có trách nhiệm:

a) Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính trong điều hành chính sách tài khóa và chính sách tiền tệ, phát hành trái phiếu Chính phủ theo hướng kéo dài kỳ hạn, tăng thanh khoản và giảm lãi suất.

b) Theo dõi việc thực hiện hạn mức vay nước ngoài tự vay tự trả và báo cáo đầy đủ, kịp thời tình hình vay thương mại nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng theo phương thức tự vay, tự trả.

c) Tăng cường quản lý các khoản vay ngắn hạn nước ngoài của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng để từ năm 2015 bảo đảm tỷ lệ nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia so với tổng giá trị kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ hàng năm trong giới hạn quy định (dưới 25%).

4. Các Bộ, ngành, địa phương có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo, tổ chức tốt việc thực hiện dự án, nhất là khâu chuẩn bị, giải phóng mặt bằng, thẩm định, quy hoạch, kế hoạch, quyết định đầu tư, thiết kế kỹ thuật, tổng dự toán, dự án công trình, lựa chọn nhà thầu, đảm bảo hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng và hiệu quả công trình.

b) Không điều chỉnh tăng tổng mức đầu tư, hợp đồng sử dụng nguồn vốn vay công. Trường hợp được phép điều chỉnh theo quy định thì cơ quan ra quyết định phê duyệt điều chỉnh tổng mức đầu tư, hợp đồng phải đảm bảo cân đối đủ vốn đối ứng trong dự toán được giao để thực hiện.

c) Chỉ đạo các chủ dự án, doanh nghiệp trực thuộc trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản vay lại, bảo lãnh Chính phủ, bố trí đủ mức vốn chủ sở hữu tối thiểu theo quy định, kiểm chế gia tăng nợ xấu, hạn chế tối đa phát sinh nợ quá hạn, đảm bảo thực hiện theo đúng các cam kết.

d) Từ năm 2015, tất cả các khoản vay mới của các Bộ, ngành, địa phương và doanh nghiệp theo quy định của Luật Quản lý nợ công, Luật Đầu tư công đều phải đăng ký với Bộ Tài chính để theo dõi, giám sát thực hiện các chỉ tiêu giới hạn nợ công, nợ Chính phủ và nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ trên nguyên tắc xác định rõ cơ chế tài chính (cấp phát, cho vay lại) trước khi trình phê duyệt chủ trương đầu tư và đảm bảo trong giới hạn cho phép.

đ) Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay của các chủ dự án, doanh nghiệp thuộc phạm vi quản lý của các Bộ, địa phương. Đảm bảo cung cấp thông tin, số liệu đầy đủ, kịp thời cho Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan để phục vụ công tác tổng hợp, báo cáo, công khai nợ công theo quy định. Phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính cùng các cơ quan liên quan thực hiện việc kiểm tra, giám sát, đánh giá tình hình sử dụng vốn vay của chủ dự án, đảm bảo vốn chủ sở hữu của các doanh nghiệp.

5. Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Chính sách xã hội và các Ngân hàng thương mại được ủy quyền cho vay lại từ nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ có trách nhiệm:

a) Thực hiện đầy đủ các quy định trong các hợp đồng ủy quyền, hợp đồng cho vay lại để quản lý có hiệu quả nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ về cho vay lại đối với các chương trình, dự án.

b) Khẩn trương phân loại, tách bạch việc sử dụng vốn cho vay đối với chính quyền địa phương theo các nguồn vốn huy động để tính toán, tổng hợp vào nợ công theo quy định.

c) Thực hiện theo định kỳ hàng năm việc phân loại nợ cho vay lại theo quy định; thực hiện việc phân loại nợ cho vay lại, bảo lãnh theo các quy định hiện hành.

d) Tham gia, phối hợp chặt chẽ với Bộ Tài chính, các cơ quan liên quan trong việc kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy chế quản lý cho vay lại, bảo lãnh.

đ) Có trách nhiệm báo cáo và cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác thông tin, số liệu về huy động, sử dụng vốn vay, hoàn trả các khoản nợ cho vay lại, bảo lãnh Chính phủ.

6. Các doanh nghiệp, tổ chức có liên quan tới việc sử dụng vốn vay công chịu trách nhiệm trước pháp luật, phải tuân thủ nghiêm túc và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

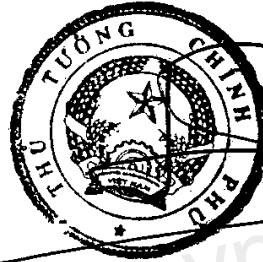
7. Các cơ quan thanh tra, kiểm toán: Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, kiểm toán việc lập, thẩm định, phê duyệt, phân bổ và sử dụng nguồn vốn vay nợ công, đặc biệt là việc điều chỉnh tổng mức đầu tư, bố trí vốn chủ sở hữu, tình hình sử dụng vốn vay, thu hồi và trả nợ công. Tổ chức việc công bố công khai các kết luận thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và việc thực hiện các kết luận theo quy định của pháp luật. Đề xuất với Chính phủ có chế tài xử lý nghiêm các vi phạm về quản lý, sử dụng nợ công.

8. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành. Bộ Tài chính có trách nhiệm đôn đốc, theo dõi, báo cáo Thủ tướng Chính phủ định kỳ về việc thực hiện Chỉ thị này và kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xử lý nghiêm theo quy định hiện hành đối với các trường hợp vi phạm./.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Các tập đoàn kinh tế, tổng công ty nhà nước;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTg, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTTH (3b). M 364

THỦ TƯỚNG



Nguyễn Tấn Dũng